

Pháp luật về hủy phán quyết trọng tài thương mại

Nguyễn Quang Tuyền*, Nguyễn Ngọc Anh

Khoa Pháp luật Kinh tế, Trường Đại học Luật Hà Nội

*qtuyen1966@yahoo.com

Tóm tắt

Nghiên cứu phân tích, đánh giá các quy định của pháp luật về hủy phán quyết trọng tài thương mại tiếp cận từ việc tìm hiểu khái niệm hủy phán quyết trọng tài thương mại và các dấu hiệu cơ bản để nhận diện hoạt động hủy phán quyết trọng tài thương mại. Tiếp đó, phân biệt, nhận diện hai hoạt động có nhiều nét tương đồng dễ gây nhầm lẫn gồm: “hủy phán quyết trọng tài thương mại” với “không công nhận phán quyết trọng tài nước ngoài”. Từ việc phân tích, đánh giá chỉ ra một số điểm chưa hợp lý, bất cập của pháp luật về hủy phán quyết trọng tài thương mại dựa trên sự đối sánh, rút ra qua thực tiễn thi hành; bài viết kiến nghị việc hoàn thiện lĩnh vực pháp luật này ở nước ta.

© 2025 Journal of Science and Technology - NTTU

Nhận 20/12/2024

Được duyệt 03/09/2025

Công bố 28/09/2025

Từ khóa

Pháp luật, hủy phán quyết, trọng tài thương mại, không công nhận phán quyết trọng tài thương mại

1 Mở đầu

Trọng tài thương mại (TTTM) là một trong các phương thức giải quyết tranh chấp thương mại phổ biến, hiệu quả hiện nay; đặc biệt, kể từ khi nước ta gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) (năm 2007). Phương thức giải quyết tranh chấp thương mại thông qua TTTM khá phù hợp, đáp ứng yêu cầu, tính chất của hoạt động kinh doanh thương mại của các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế và ngày càng được nhiều doanh nghiệp, chủ thể kinh doanh lựa chọn khi phát sinh các mâu thuẫn, bất đồng trong kinh doanh. Bởi lẽ, cách thức giải quyết của phương thức này linh hoạt, “mềm dẻo”, nhanh chóng hơn so với phương thức giải quyết tranh chấp thương mại theo con đường tố tụng tòa án. Xét về bản chất, TTTM được hiểu là phương thức giải quyết tranh chấp lựa chọn với sự tham gia của bên thứ ba nhằm giải quyết, chấm dứt xung đột, mâu thuẫn phát sinh trong hoạt động thương mại giữa các bên bằng việc đưa ra phán quyết có tính chất bắt buộc đối với các bên đương sự. Việc giải quyết tranh chấp thương mại bằng trọng tài được thực hiện tuân theo trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp được pháp luật trọng tài quy định. Từ việc khởi kiện (nộp đơn kiện và nhận đơn kiện), thành

lập Hội đồng Trọng tài (HĐTT), công tác điều tra và chuẩn bị hồ sơ (xác minh sự việc, thu thập chứng cứ, triệu tập người làm chứng, áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời), phiên họp giải quyết tranh chấp đến thi hành phán quyết trọng tài và hủy phán quyết trọng tài. Như vậy, có thể thấy trong trình tự giải quyết tranh chấp tại TTTM thì việc hủy phán quyết TTTM là khâu, là giai đoạn cuối cùng của quá trình giải quyết. Tuy nhiên, chúng ta cần hiểu rằng không phải bất kỳ một phán quyết TTTM nào cũng phải trải qua giai đoạn bị yêu cầu hủy phán quyết trọng tài này. Nội dung của bài viết này sẽ cung cấp thông tin để bạn đọc hiểu rõ hơn về nhận định nêu trên.

2 Nội dung

2.1 Khái quát về hủy phán quyết TTTM

Có thể thấy, giải quyết tranh chấp bằng trọng tài có nhiều ưu điểm và phán quyết trọng tài là chung thẩm, nhưng do những lý do chủ quan, khách quan nó vẫn có thể bị tuyên hủy bởi Tòa án có thẩm quyền. Theo Từ điển tiếng Việt, “hủy” có nghĩa là làm cho không còn tồn tại hoặc không còn giá trị nữa” [1]. Do đó, hủy phán quyết trọng tài là việc Tòa án có thẩm quyền tuyên bố phán quyết đó không còn giá trị toàn bộ hoặc một phần.

Và khi phán quyết bị Tòa án có thẩm quyền hủy thì phán quyết đó bị coi là không có hiệu lực. Tuy nhiên, thủ tục hủy quyết định trọng tài không phải là việc xem xét lại nội dung vụ việc tranh chấp. Điều này có nghĩa là Tòa án chỉ xem xét vụ việc về mặt thủ tục, chỉ kiểm tra và đối chiếu các giấy tờ với quy định của pháp luật. Hủy phán quyết TTTM là một chế định của pháp luật TTTM, theo đó, một trong các bên tranh chấp yêu cầu Tòa án có thẩm quyền xác định phán quyết không còn giá trị nếu có đủ căn cứ chứng minh rằng tổ chức trọng tài đã ra phán quyết thuộc một trong những trường hợp bị hủy theo quy định của pháp luật. Và việc hủy phán quyết trọng tài cũng phải tuân theo trình tự và thủ tục chặt chẽ do pháp luật quy định.

Có thể nhận thấy hủy phán quyết trọng tài có 03 đặc điểm cơ bản, cụ thể: i) Tòa án là cơ quan có thẩm quyền hủy phán quyết trọng tài; ii) Phán quyết trọng tài chỉ có thể bị hủy nếu thỏa mãn các quy định liên quan đến căn cứ hủy phán quyết trọng tài theo quy định của pháp luật TTTM; iii) Việc hủy phán quyết trọng tài phải tuân theo một trình tự và thủ tục chặt chẽ do pháp luật quy định. Hủy phán quyết trọng tài và không công nhận phán quyết trọng tài nước ngoài là hai khái niệm khác nhau trong lĩnh vực pháp luật quốc tế và pháp luật trọng tài; tuy nhiên trên thực tế, hai khái niệm này thường dễ gây ra sự nhầm lẫn. Có thể thấy điểm tương đồng giữa hai khái niệm này là hiệu lực thi hành phán quyết trọng tài, nếu tại Việt Nam mà phán quyết trọng tài trong nước bị hủy hoặc phán quyết trọng tài nước ngoài không được công nhận thì phán quyết đó sẽ không có hiệu lực pháp lý và không được thi hành tại Việt Nam. Tuy nhiên, xét về bản chất thì hủy phán quyết trọng tài và không công nhận phán quyết trọng tài nước ngoài có những điểm khác biệt cơ bản như sau:

Thứ nhất, khác biệt về căn cứ.

Căn cứ hủy phán quyết trọng tài bao gồm: (i) Không có thỏa thuận trọng tài; (ii) Chứng cứ do các bên cung cấp mà HĐTT căn cứ vào đó để ra phán quyết là giả mạo; Trọng tài viên nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác của một bên tranh chấp làm ảnh hưởng đến tính khách quan, công bằng của phán quyết trọng tài; (iii) Phán quyết trọng tài trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam.

Trong khi đó, những căn cứ để không nhận phán quyết trọng tài nước ngoài bao gồm: (i) Cơ quan, tổ chức, cá nhân phải thi hành không được thông báo kịp thời và hợp thức về việc chỉ định trọng tài viên, về thủ tục giải

quyết vụ tranh chấp tại trọng tài nước ngoài hoặc vì nguyên nhân chính đáng khác mà không thể thực hiện được quyền tố tụng của mình; (ii) Phán quyết của trọng tài nước ngoài chưa có hiệu lực bắt buộc đối với các bên; (iii) Phán quyết của trọng tài nước ngoài bị cơ quan có thẩm quyền của nước nơi phán quyết đã được tuyên hoặc của nước có pháp luật đã được áp dụng hủy bỏ hoặc đình chỉ thi hành.

Thứ hai, khác biệt về chủ thể yêu cầu.

Chủ thể yêu cầu hủy phán quyết trọng tài là các bên tranh chấp (nguyên đơn hay bị đơn của vụ việc). Chủ thể yêu cầu không công nhận phán quyết trọng tài nước ngoài là bên phải thi hành hoặc người đại diện hợp pháp của họ.

Thứ ba, khác biệt về đối tượng.

Hủy phán quyết trọng tài áp dụng đối với phán quyết của Trọng tài Việt Nam hoặc phán quyết trọng tài giải quyết tranh chấp có yếu tố nước ngoài. Trong khi đó, đối tượng của không công nhận phán quyết trọng tài nước ngoài áp dụng đối với phán quyết của trọng tài nước ngoài (là phán quyết do Trọng tài nước ngoài tuyên ở ngoài lãnh thổ Việt Nam hoặc ở trong lãnh thổ Việt Nam).

Thứ tư, khác biệt về thủ tục kháng cáo, kháng nghị.

Quyết định hủy phán quyết trọng tài của Tòa án là quyết định cuối cùng và có hiệu lực thi hành. Trong khi đó, quyết định không công nhận phán quyết trọng tài nước ngoài có thể bị kháng cáo, kháng nghị, ...

2.2 Một số kiến nghị hoàn thiện các quy định của pháp luật về hủy phán quyết TTTM

2.2.1 Về thời hạn yêu cầu hủy phán quyết TTTM

Cần sửa đổi, bổ sung quy định về tăng thời hạn yêu cầu hủy phán quyết trọng tài tại khoản 1 Điều 69 của Luật TTTM năm 2010.

Theo khoản 1 Điều 69 của Luật TTTM năm 2010 quy định: “*Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được phán quyết trọng tài, nếu một bên có đủ căn cứ để chứng minh được rằng HĐTT đã ra phán quyết thuộc một trong những trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 68 của Luật này, thì có quyền làm đơn gửi Tòa án có thẩm quyền yêu cầu hủy phán quyết trọng tài. Đơn yêu cầu hủy phán quyết trọng tài phải kèm theo các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu hủy phán quyết trọng tài là có căn cứ và hợp pháp*”. Điều này có nghĩa là, thời hạn yêu cầu hủy phán quyết của TTTM là 30 ngày, kể từ ngày nhận được phán quyết trọng tài. Nếu hết thời hạn này, các bên sẽ mất quyền yêu cầu Tòa án hủy phán

quyết trọng tài. Chúng tôi cho rằng, việc Luật TTTM năm 2010 quy định thời hạn yêu cầu hủy phán quyết trong tài ở nước ta là tương đối ngắn so với thời hạn này trong Luật Mẫu và ở nhiều quốc gia trên thế giới. Trong Luật Mẫu, tại Điều 34 quy định rằng yêu cầu hủy phán quyết trọng tài phải được đưa ra trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày bên yêu cầu nhận được phán quyết trọng tài. Theo Điều 1059 của Luật Trọng tài Đức quy định đơn yêu cầu hủy phán quyết trọng tài phải được đưa ra trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày bên yêu cầu nhận được phán quyết trọng tài, trừ khi các bên có thỏa thuận khác. Điều 40 của Luật Trọng tài Thái Lan cũng quy định thời hạn đưa ra đơn yêu cầu hủy phán quyết trọng tài là 90 ngày kể từ ngày bên yêu cầu nhận được phán quyết trọng tài hoặc trong vòng 90 ngày kể từ ngày sửa chữa, giải thích và bổ sung phán quyết.

Việc Luật TTTM năm 2010 của nước ta quy định thời hạn yêu cầu hủy phán quyết trọng tài ngắn (trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được phán quyết trọng tài) tác động đến cả các doanh nghiệp và cá nhân trong vụ tranh chấp kinh doanh thương mại. Trên thực tế, để tìm ra căn cứ yêu cầu hủy phán quyết trọng tài, thu thập các tài liệu chứng cứ làm cơ sở cho yêu cầu hủy phán quyết trọng tài để nộp cho tòa án cần phải có nhiều thời gian. Quy định thời hạn 30 ngày như pháp luật hiện hành là chưa đủ thời gian để thực hiện hoặc hoàn thành các công việc này.

Hơn nữa, thực tiễn thực hiện quyền yêu cầu hủy phán quyết trọng tài của doanh nghiệp nước ngoài cho thấy mất nhiều thời gian. Bởi lẽ, các tài liệu giao dịch của doanh nghiệp nước ngoài phải được dịch ra tiếng Việt và bản dịch phải được chứng thực hợp lệ. Như vậy, để yêu cầu Tòa án hủy phán quyết trọng tài, doanh nghiệp nước ngoài phải tiến hành hợp pháp hóa lãnh sự giấy tờ, tài liệu bằng nước ngoài, chứng thực bản dịch tiếng Việt của các tài liệu, chứng cứ bằng tiếng nước ngoài kèm theo đơn yêu cầu. Sau đó, doanh nghiệp nước ngoài còn mất thêm thời gian chuyển những tài liệu này về Việt Nam để nộp cho Tòa án. Do đó, Luật TTTM năm 2010 quy định thời hạn yêu cầu hủy phán quyết TTTM 30 ngày kể từ ngày nhận được phán quyết trọng tài là khá ngắn đối với các doanh nghiệp nước ngoài. Việt Nam. Theo chúng tôi cần học tập kinh nghiệm, thông lệ quốc tế phù hợp với điều kiện Việt Nam có xét đến thực tế thực hiện của doanh nghiệp trong nước, doanh nghiệp nước ngoài và cá nhân người tiêu dùng để sửa đổi, bổ sung quy định về thời hạn yêu

cầu hủy phán quyết TTTM. Điều này là cần thiết trong điều kiện nước ta ngày càng chủ động, tích cực hội nhập sâu, rộng vào quá trình toàn cầu hóa; tham gia vào chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị toàn cầu. Chúng tôi cho rằng, khoản 1 Điều 69 của Luật TTTM năm 2010 nên sửa đổi, bổ sung quy định như sau: *“Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày nhận được phán quyết trọng tài, nếu một bên có đủ căn cứ để chứng minh được rằng HĐTT đã ra phán quyết thuộc một trong những trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 68 của Luật này, thì có quyền làm đơn gửi Tòa án có thẩm quyền yêu cầu hủy phán quyết trọng tài. Đơn yêu cầu hủy phán quyết trọng tài phải kèm theo các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu hủy phán quyết trọng tài là có căn cứ và hợp pháp”*.

2.2.2 Về các căn cứ hủy phán quyết TTTM

Một là, cần sửa đổi, bổ sung các quy định của Luật TTTM năm 2010 về thỏa thuận trọng tài vô hiệu đảm bảo phù hợp với quy định của Bộ Luật dân sự năm 2015 (BLDS năm 2015).

Khoản 5 Điều 18 của Luật TTTM năm 2010 quy định một trong các trường hợp thỏa thuận trọng tài vô hiệu khi một trong các bên bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép: *“Một trong các bên bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép trong quá trình xác lập thỏa thuận trọng tài và có yêu cầu tuyên bố thỏa thuận trọng tài đó là vô hiệu”*. Vậy trên thực tế phát sinh trong trường hợp một trong các bên nhầm lẫn khi thỏa thuận thì thỏa thuận trọng tài có bị vô hiệu không? Tham chiếu với khoản 1 Điều 126 của BLDS năm 2015 thì thỏa thuận trọng tài trong trường hợp này bị vô hiệu do thỏa thuận trọng tài được xác lập trong trường hợp bị nhầm lẫn. Theo nhóm tác giả, thỏa thuận trọng tài cũng là một dạng của giao dịch dân sự; vì vậy, nếu thỏa thuận trọng tài vô hiệu theo quy định của BLDS năm 2015 thì thỏa thuận trọng tài này cũng vô hiệu trong lĩnh vực kinh doanh thương mại mặc dù, điều này không được Luật TTTM năm 2010 quy định. Như vậy có sự chưa tương thích giữa quy định về thỏa thuận trọng tài vô hiệu của BLDS năm 2015 và Luật TTTM năm 2010. Vì vậy, cần bổ sung quy định tại Điều 18 của Luật TTTM năm 2010 đối với trường hợp một bên bị nhầm lẫn trong quá trình xác lập thỏa thuận trọng tài là một trong những trường hợp thỏa thuận trọng tài vô hiệu.

Hai là, liên quan đến quy định tại khoản 3, Điều 18 của Luật TTTM năm 2010 thì Tòa án nhân dân tối cao cần

hướng dẫn cụ thể về việc xác định năng lực hành vi dân sự của người nước ngoài.

Nhóm tác giả đề xuất quy định về hướng dẫn đối với khoản 3 Điều 18 của Luật TTTM năm 2010 như sau: *“Năng lực hành vi dân sự của cá nhân được xác định theo pháp luật của nước mà người đó có quốc tịch, trường hợp người nước ngoài xác lập, thực hiện các giao dịch dân sự tại Việt Nam, năng lực hành vi dân sự của người nước ngoài đó được xác định theo pháp luật Việt Nam”*. Quy định như vậy tạo sự tương thích và thống nhất giữa Luật TTTM năm 2010 với BLDS năm 2015 về quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài. Hiện nay, khoản 3 Điều 18 của Luật TTTM năm 2010 quy định thỏa thuận trọng tài vô hiệu khi: *“Người xác lập thỏa thuận trọng tài không có năng lực hành vi dân sự theo quy định của Bộ Luật dân sự”*. Như vậy, theo quy định của Luật TTTM năm 2010 thì việc xác định người xác lập thỏa thuận trọng tài không có năng lực hành vi dân sự dẫn chiếu theo quy định của BLDS năm 2015. Quy định này được hiểu là đối với một người nước ngoài là một bên tranh chấp và được giải quyết bởi TTTM thì năng lực hành vi của người đó xác định theo pháp luật Việt Nam. Tuy nhiên, theo BLDS năm 2015 thì năng lực của người nước ngoài được xác định theo pháp luật quốc gia mà người đó mang quốc tịch. Do đó, cách hiểu này chỉ phù hợp với cơ quan giải quyết là trọng tài trong nước; còn đối với trọng tài quốc tế thì sẽ hạn chế thẩm quyền trọng tài trong việc đánh giá năng lực các bên.

Ba là, cần chỉnh sửa nội dung về căn cứ “Thành phần HĐTT, thủ tục tổ tụng trọng tài không phù hợp với thỏa thuận của các bên hoặc trái với các quy định Luật TTTM”.

Theo hướng dẫn tại điểm b khoản 2 Điều 14 của Nghị quyết 01/2014/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì đây là trường hợp các bên có thỏa thuận về thành phần HĐTT, quy tắc tổ tụng trọng tài nhưng HĐTT thực hiện không đúng thỏa thuận của các bên hoặc HĐTT thực hiện không đúng quy định Luật TTTM năm 2010 về nội dung này mà Tòa án xét thấy đó là những vi phạm nghiêm trọng và cần phải hủy nếu HĐTT không thể khắc phục được hoặc không khắc phục theo yêu cầu của Tòa án quy định tại khoản 7 Điều 71 của Luật TTTM năm 2010. Tuy nhiên, vấn đề đặt ra là hiểu như thế nào là vi phạm nghiêm trọng? Nếu Tòa án “xét thấy” vi phạm đó là nghiêm trọng thì đó sẽ là “vi phạm nghiêm trọng” mà không có một căn cứ cụ thể, rõ ràng nào để xác định

thỏa thuận đó là vi phạm nghiêm trọng hay vi phạm không nghiêm trọng? “Khoảng trống” này tiềm ẩn nguy cơ để Tòa án có thể lạm quyền trong khi thực hiện vấn đề này.

Mặt khác, Tòa án cần cân nhắc kỹ lưỡng để từ chối tiếp nhận những đơn yêu cầu có lý do được coi là “không chính đáng” như trên. Trong quá trình tiến hành giải quyết tranh chấp, HĐTT sẽ phải tiến hành rất nhiều thủ tục tố tụng nên việc mắc những sai sót là điều khó tránh khỏi. Chẳng hạn, có trường hợp phán quyết trọng tài bị hủy chỉ vì HĐTT sử dụng ngôn từ “thân thiện” trong thông báo mời họp. Theo đó, Tòa án cho rằng thông báo mời họp gửi các đương sự phải ghi chữ “triệu tập”, trong khi HĐTT lại ghi chữ “mời” là sai; vì nếu là “mời” thì đương sự có thể đến hoặc không đến. Hoặc trường hợp: trọng tài là người thân thích hoặc là người đại diện của một bên tranh chấp; trọng tài viên có lợi ích liên quan trong vụ tranh chấp hoặc có căn cứ rõ ràng cho thấy trọng tài viên không vô tư, khách quan. Hay những sai sót đơn giản như việc ghi sai đơn vị tiền tệ hoặc những lỗi nhỏ trong hình thức trình bày cũng dễ dàng bị Tòa án tuyên hủy.

Bốn là, quy định tại điểm d khoản 2 Điều 68 của Luật TTTM năm 2010 nên được sửa đổi, bổ sung như sau: *“Trọng tài viên nhận lợi ích làm ảnh hưởng đến tính khách quan, công bằng của phán quyết trọng tài”*.

Một trong các căn cứ huỷ phán quyết trọng tài là: *“Chứng cứ do các bên cung cấp mà HĐTT căn cứ vào đó để ra phán quyết là giả mạo; Trọng tài viên nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác của một bên tranh chấp làm ảnh hưởng đến tính khách quan, công bằng của phán quyết trọng tài”*. Chúng tôi cho rằng, nội dung căn cứ huỷ phán quyết trọng tài không nên giới hạn đối tượng hồi lộ chỉ là “tiền”, “tài sản” và “lợi ích vật chất khác” mà nên mở rộng cả đối với trường hợp hồi lộ tinh thần miễn là có đủ chứng cứ chứng minh để hủy phán quyết dựa trên căn cứ này. Bởi vì, dù với hình thức hồi lộ nào thì trọng tài viên cũng vì nó mà đưa ra phán quyết thiếu khách quan, công bằng, vi phạm nghĩa vụ của một trọng tài viên. Vì vậy, chỉ cần quy định chung bằng từ “lợi ích” là đủ. Căn cứ này cũng được ghi nhận trong pháp luật của nhiều nước trên thế giới. Ví dụ: khoản 1 Điều 68 của Luật Trọng tài Anh quy định: *“Có những vi phạm nghiêm trọng ảnh hưởng đến ủy ban trọng tài, tổ tụng trọng tài hoặc phán quyết”*; Khoản 6 Điều 58 của Luật Trọng tài Trung Quốc quy định: *“Trọng tài viên trong quá trình giải*

quyết tranh chấp đã yêu cầu hoặc nhận hối lộ, thể hiện sự thiên vị, có hành vi gian lận hoặc lập phán quyết trái với Luật". Với những phân tích trên đây thiết nghĩ, quy định tại điểm d khoản 2 Điều 68 của Luật TTTM năm 2010 nên được sửa đổi như sau: "Trọng tài viên nhận lợi ích làm ảnh hưởng đến tính khách quan, công bằng của phán quyết trọng tài".

2.2.3 Xác định toà án có thẩm quyền và xác định phạm vi thẩm quyền của Toà án trong giải quyết yêu cầu hủy phán quyết trọng tài

Một là, nên mở rộng khái niệm hình thức tương tự như các hình thức quy định tại khoản 2 Điều 16 Luật TTTM năm 2010.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 7 của Luật TTTM năm 2010 và hướng dẫn tại Điều 5 của Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP ngày 20/03/2014 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật TTTM năm 2010 (sau đây gọi là Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP) thì các bên có quyền thỏa thuận lựa chọn một trong các Tòa án nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là TAND cấp tỉnh) của Việt Nam để giải quyết yêu cầu hủy phán quyết trọng tài. Việc thỏa thuận lựa chọn Tòa án có thẩm quyền phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ loại việc yêu cầu Tòa án giải quyết, tên Tòa án mà các bên lựa chọn. Theo điểm g khoản 2 Điều 7 của Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP, đối với yêu cầu hủy phán quyết trọng tài thì Tòa án có thẩm quyền là Tòa án nơi HĐTT đã tuyên phán quyết. Tuy nhiên, thỏa thuận này có thể lập thành văn bản riêng hay có thể xác lập dưới hình thức có giá trị tương đương văn bản như điều khoản trong hợp đồng, thư điện tử, chứng từ, điều lệ công ty.

Hai là, cần phải sửa đổi trong Luật TTTM năm 2010 về cách sử dụng từ ngữ để thống nhất với quy định tại Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP, cụ thể: "*Khi xét đơn yêu cầu Hội đồng xét đơn yêu cầu căn cứ vào các quy định tại Điều 68 Luật này và các tài liệu kèm theo để xem xét, không xét lại nội dung vụ tranh chấp mà HĐTT đã giải quyết*".

Nhận thấy, quy định của Luật TTTM năm 2010 và Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP chưa có sự thống nhất về cách dùng từ. Khoản 4 Điều 71 của Luật TTTM năm 2010 quy định: "*Khi xét đơn yêu cầu Hội đồng xét đơn không xét xử lại nội dung vụ tranh chấp mà HĐTT đã giải quyết*" và được giải thích rõ hơn tại khoản 2 Điều 15 của Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP: "*Khi xét đơn yêu cầu Hội đồng xét đơn không xét lại nội dung vụ tranh chấp*". Hai văn bản này sử dụng hai thuật ngữ khác nhau giữa "không xét xử lại" và "không xét lại". Nhắc đến việc "xét xử", chúng ta sẽ liên tưởng đến hai cấp xét xử tại Tòa án là Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm. Khi đó, Tòa án sẽ xem xét lại bản án, quyết định một cách toàn diện cả về nội dung và thủ tục tố tụng. Trong khi "xét lại" lại có phạm vi hẹp hơn khi Tòa án chỉ xem xét lại bản án, quyết định để quyết định xem có xét xử lại hay không mà không đưa ra một bản án, quyết định về quyền lợi và nghĩa vụ của các bên. Tuy nhiên, có thể hiểu rằng Tòa án chỉ có thẩm quyền xem xét những vấn đề liên quan đến hình thức của phán quyết trọng tài mà không có thẩm quyền xem xét lại về nội dung giải quyết tranh chấp của HĐTT. Quy định này một lần nữa khẳng định tính độc lập của phương thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài trong mối quan hệ với Tòa án nhân dân.

3 Kết luận

Luật TTTM năm 2010 đã có những quy định về hủy phán quyết trọng tài một cách cụ thể, phù hợp với điều kiện Việt Nam và tương thích với thông lệ quốc tế ở một chừng mực nhất định. Tuy nhiên từ thực tiễn thi hành cho thấy, các quy định của Luật TTTM năm 2010 về hủy phán quyết trọng tài cũng bộc lộ những tồn tại cần được tiếp tục hoàn thiện. Việc hoàn thiện pháp luật về hủy phán quyết trọng tài phải được thực hiện đồng bộ với việc hoàn thiện các quy định pháp luật khác có liên quan. Pháp luật về hủy phán quyết trọng tài phải đảm bảo nguyên tắc về quyền tự định đoạt của các bên và đảm bảo tính minh bạch, ổn định.

Tài liệu tham khảo

1. Hoàng Phê (chủ biên – 2003), Từ điển Tiếng Việt, Viện Ngôn ngữ học, NXB Đà Nẵng, tr.470
2. German Arbitration Act (1998), Section 1059
3. Arbitration Act B.E.2545 (2002), Section 40
4. Trần Minh Đức và Trịnh Tuấn Anh (2022), “*Căn cứ và quyết định hủy phán quyết trọng tài thương mại – quy định pháp luật và đề xuất hoàn thiện*”, Hội thảo khoa học về pháp luật trọng tài thương mại và hòa giải thương mại, Khoa Luật - Trường Đại học Ngoại ngữ – Tin học TP Hồ Chí Minh, tr.282
5. Đỗ Văn Đại, Mai Hồng Quý (2010), “*Tư pháp Quốc tế Việt Nam – Quan hệ dân sự, lao động, thương mại có yếu tố nước ngoài*”, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
6. Vũ Thị Hồng Vân (2016), “*Khó khăn, vướng mắc trong việc áp dụng các quy định về hủy phán quyết trọng tài thương mại và một số giải pháp khắc phục*”, Tạp chí Nghề luật, số tháng 5/2016, Tr.72-77.
7. Arbitration Act 1996 (Luật Trọng tài Vương quốc Anh)
8. International Arbitration Laws of China 1999.

Law on the annulment of commercial arbitral awards

Nguyen Quang Tuyen*, Nguyen Ngoc Anh
Faculty of Economic Law – Hanoi Law University
*qtuyen1966@yahoo.com

Abstract This article analyzed and evaluated the legal provisions on the annulment of commercial arbitral awards, beginning with an examination of the concept of annulment and the fundamental indicators for identifying such activity. It then distinguished and clarified two activities with many easily confusing similarities: “annulment of a commercial arbitral award” and “refusal to recognize a foreign arbitral award.” By conducting an analysis and assessment, including a comparison with practical enforcement, the article pointed out certain shortcomings and inadequacies in the current legislation governing the annulment of commercial arbitral awards. Subsequently, the authors proposed recommendations for improving the legal framework in this area in Viet Nam.

Keywords Law, annulment of award, commercial arbitration, refusal to recognize commercial arbitral award, recommendations, improvement.